

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày 01/3/2023

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn T

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị T1. Nguyên phó chủ tịch hội phụ nữ huyện
Bà Nguyễn Thị L - Phó phòng tư pháp huyện

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị H – Thư ký Toà án nhân dân huyện K.

Đại diện VKSND huyện K: Bà Đặng Thị H1- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2022/TLST– HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/HNGĐ-QĐXX ngày 06/02/2023; Quyết định hoãn phiên toà số 02/2023/HNGĐ-QĐ ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đỗ Khắc K1, sinh năm 1986 (có mặt)

HKTT, TT: Thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T2 , sinh năm 1991 (vắng mặt)

HKTT, TT: Thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Đỗ Phương T3, sinh ngày 05/8/2011.

Người giám hộ cho cháu T3 là anh K1 bố đẻ của cháu

Đều HKTT, TT: Thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Người làm chứng:

1. Bà Đỗ Thị L2, sinh năm 1952

Trú tại: Thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1959

Trú tại: Thôn K2, xã T5, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của anh Đỗ Đắc K1 trình bày tại Toà án như sau:

Vào năm 2010, anh có kết hôn với chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991 là người ở Thôn K2, xã T5, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Anh và chị T2 được tự do tìm hiểu nhau trong khoảng 01 tháng. Anh, chị kết hôn trên sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 03/5/2010. Sau khi kết hôn thì chị T2 chuyển về nhà anh sinh sống tại Thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống, sống hạnh phúc bình thường sau đó xảy ra phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và trầm trọng nhất bắt đầu từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống cũng như tính cách, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cứ nói chuyện là lại cãi nhau nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngột ngạt và mệt mỏi.

Hiện nay anh, chị đã sống ly thân được hơn 01 năm nay.

Trong thời gian sống ly thân anh, chị không quan tâm gì đến nhau, và cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Khi biết chuyện mâu thuẫn vợ chồng anh, chị thì gia đình hai bên nội ngoại cũng có động viên nhưng vẫn không thể cải thiện được tình trạng hôn nhân của anh, chị.

Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T2 nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được L2 hôn để anh sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Đỗ Đắc K1 và chị Nguyễn Thị T2 có 01 con chung là cháu Đỗ Phương T3, sinh ngày 05/8/2011, hiện nay cháu T3 đang ở với anh và ông bà nội. Nếu L2 hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu T3 cho đến khi cháu T3 trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác nông nghiệp 03: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập chị T2 đến Toà án để làm việc tuy nhiên chị T2 đều không đến Toà án theo giấy triệu tập, đến ngày 26/12/2022 Toà án đã đến nhà bố mẹ đẻ của chị T2 để lấy lời khai của người làm chứng, tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bố đẻ của chị T2 là ông Nguyễn Văn T4, Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải và giấy triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị T2 đều vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt chị T2 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Đỗ Đắc K1 có mặt tại Toà án và đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T2 và giải quyết về con chung.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do chính đáng nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt chị T2 theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đã xác định chính xác mối quan hệ có tranh chấp, ra thông báo thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của các chủ thể để đưa họ vào tham gia tố tụng. Việc cấp, tổng đạt các quyết định đến các đương sự đảm bảo đúng thời hạn. Toà án thực hiện việc chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về nguyên tắc xét xử, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng và không thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định tại Điều 53, Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật vì không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị hội đồng xét xử cho anh Đỗ Đắc K1 được ly hôn với chị Nguyễn Thị T2 về con chung giao cháu Đỗ Phương T3 cho anh K1 tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết vì anh K1 không có yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ ruộng đất nông nghiệp 03 của anh K1, chị T2 thì không đặt ra giải quyết trong vụ án L2 hôn này, khi nào anh K1 có yêu cầu sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác; nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên toà ngày hôn nay cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 anh Đỗ Đắc K1 và chị Nguyễn Thị T2 có kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 03/5/2010 đã xác lập quan hệ vợ chồng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của anh K1 lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương đều thể hiện: Sau khi kết

hôn thì anh K1, chị T2 sinh sống và làm ăn tại Thôn L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị chung sống, sống hạnh phúc bình thường sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như tính cách nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chị T2 và anh K1 đã sống L2 thân được 01 năm nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm nhau hay liên hệ gì đến nhau.

Từ những căn cứ nêu trên xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đỗ Đắc K1 và chị Nguyễn Thị T2 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Đỗ Đắc K1 được L2 hôn với chị Nguyễn Thị T2 để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Đỗ Đắc K1 và chị Nguyễn Thị T2 có 01 con chung Đỗ Phương T3, sinh ngày 05/8/2011, hiện nay cháu T3 đang ở với bố và ông bà nội.

Xét thấy, anh K1 có quan điểm xin được nuôi con. Xét nguyện vọng xin nuôi con của anh là hoàn toàn chính đáng, mục đích chung là muốn cho con phát triển tốt về mọi mặt. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập chị T2 đến để làm việc tuy nhiên chị T2 không có mặt, trong quá trình thu thập xác minh thì cho thấy cháu T3 sống với bố và ông bà nội từ bé, mặt khác cháu T3 cũng có quan điểm được ở với bố và ông bà nội. Do vậy, cần giao cháu Đỗ Phương T3, sinh ngày 05/8/2011 cho anh K1 được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, sau này nếu có yêu cầu của chị T2 về việc nuôi con thì sẽ xem xét bằng vụ kiện thay đổi người nuôi con. Việc đóng góp phí tồn nuôi con không đặt ra xem xét vì anh K1 không có yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Anh Đỗ Đắc K1 và chị Nguyễn Thị T2 không yêu cầu xem xét, tự thỏa thuận giải quyết. Khi nào anh Đỗ Đắc K1 và chị Nguyễn Thị T2 có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn anh Đỗ Đắc K1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Đắc K1 được ly hôn với chị Nguyễn Thị T2.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Phương T3, sinh ngày 05/8/2011 cho anh Đỗ Đắc K1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi. Việc đóng

góp phí tổn nuôi con không đặt ra. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T2 được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp 03 và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, khi nào anh Đỗ Đắc K1 và chị Nguyễn Thị T2 có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Đỗ Đắc K1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí L2 hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Đỗ Đắc K1 đã nộp đã nộp theo biên lai số 0008027 ngày 17/11/2022, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Khoái Châu (anh K1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Về quyền kháng cáo: Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi người vắng mặt cư trú./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS K/C;
- UBND xã Đ; T5
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn T

